

Bản án số: 20/2021/HS-PT
Ngày: 17-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Đức

Ông Dương Ngọc Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Dương Phát- Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:

Ông Bùi Văn Phước- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 183/2020/TLPT-HS ngày 17 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2020/HS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Văn T**, tên gọi khác: H, sinh năm 1989, tại Long An. Nơi cư trú: Số 394/4 ấp X, xã V, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị X1; có vợ tên Nguyễn Thị A (đã ly hôn); có 01 người con sinh năm 2007; tiền sự: Ngày 25/11/2019 bị Công an xã M, huyện C xử phạt số tiền 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc, đã chấp hành quyết định xử phạt theo biên lai thu tiền phạt ngày 02/12/2019; nhân thân: Ngày 22/11/2016 bị Công an huyện C xử phạt số tiền 2.500.000 đồng về hành vi xâm hại sức khỏe người khác (đã chấp hành xong); tiền án: Không; bị cáo Nguyễn Văn T bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” tại xã V, huyện C, tỉnh Long An; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác không liên quan đến kháng cáo, không triệu tập đến phiên tòa

- Người bị hại: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1946. Nơi cư trú: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

- Người làm chứng:

- 1/ Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm: 1996.
- 2/ Ông Ngô Tuấn T2, sinh năm: 1995.
- 3/ Ông Nguyễn Cao M1, sinh năm: 1996.
- 4/ Ông Nguyễn Hoàng D, sinh năm: 1969.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 03/02/2020 Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô biển số 62K1-330.57 đi từ nhà ở ấp X2 2, xã V, huyện C đến nhà của ông Nguyễn Hoàng D để mượn số tiền là 300.000 đồng. Sau khi mượn được tiền thì T đi về và ghé nhà bà Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1946, ngụ ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Long An có bán tạp hóa và nước giải khát để đổ xăng. T dựng xe mô tô ngoài mé lộ, đầu xe hướng về chợ M và đi vào nhà kêu đổ xăng thì bà H1 đồng ý bán cho T chai xăng với giá tiền là 35.000 đồng, T đưa cho bà H1 số tiền 100.000 đồng để trả tiền xăng thì bà H1 đi vào phía sau nhà lấy 01 cái phích bằng nhựa, màu trắng, hình tròn, bên trong phích có để tiền gồm nhiều mệnh giá khác nhau như mệnh giá 200.000 đồng, 100.000 đồng, 50.000 đồng, 10.000 đồng, ... và 01 cái bóp màu xanh bên trong bóp cũng có tiền gồm nhiều mệnh giá khác nhau, dùng để thối tiền lại cho khách mua hàng. T tiếp tục kêu bà H1 bán cho T 02 chai nước ngọt với giá là 20.000 đồng, tổng cộng tiền xăng và tiền 02 chai nước ngọt có giá là 55.000 đồng, bà H1 lấy tiền trong phích ra thối lại cho T số tiền là 45.000 đồng, T bỏ vào túi quần. Trong lúc bà H1 thối tiền cho T thì T nhìn thấy bên trong cái phích có tiền nên nảy sinh ý định giật cái phích để chiếm đoạt tiền của bà H1. Lúc này bà H1 đang cầm cái phích trên tay, T đang đứng đối diện với bà H1 thì dùng tay phải chụp ngang cái quay của phích và giật lấy cái phích trên tay bà H1 rồi nhanh chóng bỏ chạy ra bên ngoài để tẩu thoát. Bà H1 bị giật cái phích bất ngờ, không giữ được thăng bằng nên té ngã xuống nền nhà, không bị thương tích gì, bà truy hô “cướp, cướp, cướp”. T bỏ chạy ra ngay cửa ra vào nhà phía trước hàng tư thì bị vấp té ngã, rút lại 01 điện thoại di động hiệu Samsung, rồi nhanh chóng đứng dậy và chạy ra phía ngoài lộ lên xe tẩu thoát ra hướng chợ M. Phần bà H1 sau khi bị giật tiền thì truy hô và nhìn thấy 01 điện thoại di động của T rút lại trước cửa nhà nên lượm và đi vào nhà của anh Nguyễn Hữu P, là cháu của bà H1, nói cho P biết vụ việc bà bị giật tiền, đối tượng bỏ chạy rút lại cái điện thoại và mô tả hình dạng cũng như cách ăn mặc của đối tượng cho P biết để truy đuổi theo. Anh P điện thoại cho anh Ngô Tuấn T2, lúc này có anh Nguyễn Cao M1, cùng đi chung với anh T2 để cùng truy đuổi theo đối tượng. Anh T2 và anh M1 chạy xe từ hướng chợ M về hướng nhà bà H1, còn anh P thì từ nhà chạy ra hướng chợ M truy tìm đối tượng. Phần Nguyễn Văn T sau khi giật được tiền của bà H1 thì chạy được một đoạn cách nhà bà H1 khoảng 700m dừng xe lại nhặt lấy 01 cái ly bằng mủ và lấy toàn bộ số tiền trong phích, trong bóp và tiền của T bỏ vào trong cái ly rồi đem giấu dưới bụi cỏ ven đường. Sau khi đã giấu tiền xong T tiếp tục điều khiển xe mô tô chạy ra đường bờ đê thuộc ấp Bình Khương, xã M ném cái phích và cái bóp

xuống kênh rồi quay trở lại chỗ giấu tiền. Ra đến chỗ giấu tiền thì T bị anh P, anh T2 và anh M1 phát hiện có đặc điểm ăn mặc như bà H1 mô tả nên kêu T về nhà của anh P để đưa lại điện thoại T làm rớt và để bà H1 nhận dạng có phải T là người đã giật tiền của bà H1 hay không. Khi đến nhà của anh P thì bà H1 đưa lại cho T cái điện thoại di động hiệu Samsung và T tự tay mở mặt khóa mở máy điện thoại và nhận là máy điện thoại này là của T làm rớt. Sau đó thừa nhận đã giật tiền của bà H1 và bà H1 cũng xác định T chính là người đã giật tiền của bà nên anh Nguyễn Hữu P điện thoại trình báo cho Công an xã M đến giải quyết vụ việc. Tiếp đó T đi ra chỗ giấu để lấy tiền giao nộp cho cơ quan Công an, chỉ nơi đã ném cái phích và cái bóp để cơ quan chức năng truy tìm tang vật của vụ án. Quá trình làm việc tại Công an xã M thì Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi thực hiện việc phạm tội.

Tang vật tạm giữ gồm:

- Số tiền 1.734.000 đồng.
- 01 xe mô tô biển số 62K1-330.57.
- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 62K1-330.57
- 01 điện thoại di động cảm ứng, hiệu Samsung có số IMEL: 355021104488223/01.
- 01 cái phích hình tròn, bằng nhựa, màu trắng, có bông đỏ, có nắp màu nâu, có quay cầm bằng nhựa màu trắng, phần dưới của phích màu nâu bị bể, thân phích có chữ Leasous màu xanh, có chiều cao là 20cm, đường kính miệng phích là 14cm, đáy phích là 16 cm.

Trong quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, chính bị cáo đã dùng tay giật cái phích đựng tiền của bà H1 bên trong có số tiền 1.489.000 đồng rồi bỏ chạy ra bên ngoài lên xe mô tô tẩu thoát. Người bị hại bà Nguyễn Thị H1 yêu cầu xử lý hành vi cướp giật tài sản của bà và trả lại bà số tiền bị cướp giật là 1.489.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2020/HS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An đã xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171; Điều 38; Điều 50; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) năm tù. Thời gian tù được tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 18/9/2020, bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cấp sơ thẩm đã xét xử và xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” là đúng, không oan. Bị cáo cho rằng Tòa án cấp

sơ thẩm xử phạt bị cáo 3 năm tù là quá nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Hiện tại, hoàn cảnh gia đình bị cáo có khó khăn là lao động chính trong gia đình, bản thân bị cáo bị bệnh, nên kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục: Bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo trong thời hạn luật quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan. Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 3 năm tù. Bị cáo kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy: Bị cáo kháng cáo có cung cấp thêm tình tiết mới là hoàn cảnh gia đình khó khăn là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương. Ngoài ra, bị cáo còn cho rằng đang bị bệnh nhưng xem xét kết quả khám bệnh của bị cáo thì không có căn cứ là bị cáo bị bệnh nên tình tiết này không xem xét cho bị cáo. Đối với bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2020/HS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An, xử phạt bị cáo 2 năm 6 tháng tù. Bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn, hối lỗi về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo trong thời hạn của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra trước phiên tòa phúc thẩm, thể hiện: Vào 18 giờ 30 phút ngày 03/02/2020 bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 62K1-330.57 đi

từ nhà đến nhà ông D mượn tiền, trên đường về ghé nhà bà H1 đổ xăng và mua nước uống, khi phát hiện bà H1 có cái phích trong đó có nhiều tiền bị cáo đã giật cái phích bên trong có số tiền 1.489.000 đồng rồi bỏ chạy ra bên ngoài lên xe mô tô tẩu thoát. Bị cáo Nguyễn Văn T đã thực hiện hành vi cướp giật tiền của bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1946 (đã 74 tuổi) là người già yếu để chiếm đoạt số tiền 1.489.000 đồng, để nhằm mục đích tiêu xài cá nhân. Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T có đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn T: Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 3 năm tù. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản và sức khỏe của người bị hại, mà bà H1 là người già yếu, đã ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự của địa phương. Mức hình phạt cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Tuy nhiên, trong giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo có cung cấp thêm tình tiết mới là hoàn cảnh gia đình bị cáo có khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng. Ngoài ra, bị cáo còn cho rằng bị bệnh, nhưng qua kết quả khám bệnh thì bị cáo không có bệnh hiểm nghèo, nên không có căn cứ xem xét. Đối với bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên cần xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề nhẹ hơn được quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Do đó, cần sửa Bản án hình sự số 22/2020/HS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An về phần hình phạt đối với bị cáo T là có căn cứ.

[4] Về án phí: bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực sau khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2020/HS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171; điểm h, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm tù, thời gian tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM (01b);
- VKSNDCC tại TPHCM (01b);
- VKSND tỉnh Long An (01b);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01b);
- TAND huyện (02b);
- VKSND huyện (01b);
- CQĐT Công an cấp huyện (01b);
- Chi cục THADS huyện (01b);
- Bị cáo (01b);
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (01b);
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Phụng